

E11- UNIT 3- VOCAB 02

	IN VIETNAMESE	IN ENGLISH
1	trực thăng	
2	thăm phán	
3	sự kiện quan trọng-cột mốc	
4	lễ kỷ niệm đám cưới bạc	
5	làm bối rối, lo lắng	
6	lớp kem phủ trên mặt bánh	
7	nước chanh	
8	món ăn nhẹ	
9	dọn dẹp	
10	tổ chức	
11	sự bừa bộn	
12	lờ miệng	
13	phục vụ	
14	tổ chức	
15	đề cập	
16	thạch	